|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tiết PPCT** | **7A** | **7B** | **7C** | **7D** |
| **20** | **T1.2.12.2024** | **T4.6.12.2024** |  | **T3.5.12.2024** |
| **21** |  |  |  |  |
| **22** |  |  |  |  |

**BÀI 5. Tiết 20-22: PHÂN TỬ - ĐƠN CHẤT - HỢP CHẤT**

Thời gian thực hiện: 03 tiết

**I. Mục tiêu**
**1. Kiến thức:**

- Nêu được khái niệm phân tử, đơn chất, hợp chất. Đưa ra được một số ví dụ về đơn chất và hợp chất

- Tính được khối lượng phân tử theo đơn vị amu.

 **2. Năng lực:**

**2.1. Năng lực chung:**

***- Năng lực tự chủ và tự học:*** Tìm kiếm thông tin, đọc sách giáo khoa, quan sát tranh ảnh để tìm hiểu về phân tử, đơn chất, hợp chất.

***- Năng lực giao tiếp và hợp tác:*** Thảo luận nhóm và hợp tác để tìm hiểu về phân tử, đơn chất, hợp chất, tính khối lượng phân tử theo đơn vị amu

***- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo:*** GQVĐ trong việc giải thích được sự lan toả của chất (mùi, màu sắc,…)

**2.2. Năng lực khoa học tự nhiên :**

***- Nhận thức KHTN****:* Nêu được khái niệm phân tử, đơn chất, hợp chất.

***- Tìm hiểu tự nhiên:***Đưa ra được một số ví dụ về đơn chất, hợp chất; tính được khối lượng phân tử theo đơn vị amu*.*

***- Vận dụng kiến thức, kỹ năng đã học:*** Giải thích được sự lan toả của chất (mùi, màu sắc,…)

 **3. Phẩm chất:**

Thông qua thực hiện bài học sẽ tạo điều kiện để học sinh:

* Chăm chỉ: Chăm học, chịu khó tìm tòi thông tin và thực hiện các nhiệm vụ cá nhân nhằm tìm hiểu về phân tử, đơn chất, hợp chất.
* Trách nhiệm: Có trách nhiệm trong thảo luận nhóm nhằm tìm hiểu về phân tử, đơn chất, hợp chất; tính khối lượng phân tử bằng đơn vị amu

**II. Thiết bị dạy học và học liệu**

1. **Giáo viên:**
* Hình ảnh 5.1, 5.2, 5.3, hoặc mô hình phân tử của một số chất.
* Hình ảnh, video ứng dụng một số đơn chất và hợp chất.
* Phiếu học tập.
* Bảng tuần hoàn các nguyên tố hoá học
* Video thí nghiệm: hoà tan thuốc tím vào nước
1. **Học sinh:**
* Bảng tuần hoàn các nguyên tố hoá học

**III. Tiến trình dạy học**

**1. Hoạt động 1: Mở đầu:** (Xác định vấn đề học tập là tìm hiểu phân tử, hợp chất, đơn chất)

**a) Mục tiêu:**

- Giúp học sinh xác định được vấn đề cần học tập là tìm hiểu phân tử, hợp chất, đơn chất

**b) Nội dung:- GV cho HS tham gia trò chơi: phân loại chất.**

 **c)****Sản phẩm:**

- Phân loại được nhóm đơn chất: O2, He,Cu và hợp chất gồm: CO2, NaCl

**d)****Tổ chức thực hiện:**

 **- Phương pháp dạy học:** Tổ chức trò chơi

 **- Kĩ thuật dạy học:** Tổ chức trò chơi

 **- Hình thức kiểm tra đánh giá:** HS đánh giá lẫn nhau; GV đánh giá HS, nhận xét, cho điểm.

 **\*Chuyển giao nhiệm vụ học tập**

- GV yêu cầu 6 nhóm tham gia chơi trò chơi phân loại chất.

- Luật chơi: GV yêu cầu các nhóm quan sát hình 5.1 SGK thảo luận nhóm và thực hiện yêu cầu sau: Dựa vào thành phần nguyên tố, em hãy phân loại các chất trên thành hai loại: chất được tạo nên từ một nguyên tố hoá học và chất được tạo nên từ hai nguyên tố hoá học.

**\*Thực hiện nhiệm vụ học tập**

- HS hoạt động nhóm và tiến hành phân loại chất và ghi vào giáy nháp.

- Dự kiến khó khăn : HS không phân biệt được nguyên tố hoá học🡪 GV hổ trợ HS phân loại: Mỗi hạt là môt nguyên tử , các hạt giống nhau đều thuộc một nguyên tố hoá học.

**\*Báo cáo kết quả và thảo luận**

- GV gọi ngẫu nhiên 1 học sinh trình bày đáp án trên bảng.

**\*Kết luận, nhận định.**

- Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá:

- Giáo viên nhận xét, đánh giá ghi điểm cộng cho nhóm hoàn thành sớm nhất và chính xác.

->Giáo viên nêu vấn đề cần tìm hiểu trong bài học. Để trả lời câu hỏi trên đầy đủ và chính xác nhất chúng ta vào bài học hôm nay.

->Giáo viên nêu mục tiêu bài học:

**2. Hoạt động 2: Hình thành kiến thức mới**

**2.1. Hoạt động 2.1: Đơn chất và hợp chất**

**a) Mục tiêu:**

- Nêu được khái niệm đơn chất, hợp chất.

- Đưa ra được một số ví dụ về đơn chất và hợp chất

 **b) Nội dung:**

- GV sử dụng kỹ thuật công đoạn: chia lớp thành 6 nhóm thảo luận hoàn thành phiếu HT số 1, và PHT số 2.

- GV thông tin thêm cho HS một số thông tin về đơn chất và hợp chất.

- HS hoạt động cá nhân làm BT ở ?/33 và 34 SGK.

**c)****Sản phẩm:**

- Câu trả lời của HS ở**“Phiếu học tập số 1”**. Và **PHT số 2**

**- Trả lời các câu hỏi ở chấm hỏi/33,34.**

Câu 1/33: Các ứng dụng của:

+ Đồng: làm tượng, lõi dây điện, chế tạo động cơ điện, các loại nhạc cụ,…

+ Hydrogen: làm nhiên liệu, bơm trong khinh khí cầu, bong bóng bay,…

+ Carbon: đồ trang sức, ruột bút chì, than hoạt tính,…

Câu 2:

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
|  | Đơn chất oxygen | Hợp chất carbon dioxide |
| Thành phần nguyên tố  | Chỉ chứa một nguyên tố oxygen | Chứa 2 nguyên tố: carbon và oxygen |
| Vai trò đối với sự sống và sự cháy | Duy trì sự sống và sự cháy | Không duy trì sự sống và sự cháy |

Câu 3: Số lượng các hợp chất nhiều hơn số lượng các đơn chất vì đơn chất chỉ chứa 1 nguyên tố hoá học, còn hợp chất chứa từ 2 nguyên tố hoá học trở lên

**d)****Tổ chức thực hiện:**

 **- Phương pháp dạy học:** PP dạy học theo nhóm.

 **- Kĩ thuật dạy học:** Công đoạn.

 **- Hình thức kiểm tra đánh giá:** HS đánh giá lẫn nhau; GV đánh giá HS, nhận xét, cho điểm.

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên và học sinh** | **Nội dung chính** |
| **\* Chuyển giao nhiệm vụ 1*: GV sử dụng kỹ thuật công đoạn:*** Chia lớp thành 6 nhóm.- Nhóm 1, 2, 3 hoàn thành **PHT số 1** (phụ lục), nhóm 4, 5, 6 hoàn thành **PHT số 2** (phụ lục).- Mỗi nhóm sẽ thực hiện yêu cầu được giao và ghi sản phẩm vào bảng nhóm trong thời gian 10 phút. Hết 10 phút các nhóm tiến hành đổi PHT và bảng nhóm cho nhau (đổi theo cặp: nhóm 1 và nhóm 6, nhóm 2 và nhóm 5, nhóm 3 và nhóm 4), các nhóm có nhiệm vụ nghiên cứu nội dung, bổ sung góp ý cho nhóm bạn trong vòng 5 phút, hết thời gian các nhóm trả lại bảng nhóm về nhóm ban đầu. Khi nhận lại bảng nhóm của mình, các nhóm sẽ xem và xử lý các ý kiến của nhóm bạn để hoàn thiện lại kết quả thảo luận của nhóm mình trong vòng 1 phút. Sau khi hoàn thiện xong các nhóm sẽ treo kết quả thảo luận lên tường lớp học***.***- GV thông tin thêm cho HS (minh hoạ bằng hình ảnh hoặc video) các thông tin:? Tên của đơn chất như thế nào với tên của nguyên tố.+ Một số nguyên tố tạo nên các dạng đơn chất khác nhau*+ Đơn chất phân loại thành kim loại (rắn, lỏng), phi kim (rắn, lỏng, khí), khí hiếm (khí)****\*Thực hiện nhiệm vụ học tập*** - Thảo luận, hoàn thành nội dung trong phiếu học tập của nhóm mình và trình bày vào bảng nhóm. - Tiếp tục nghiên cứu, thảo luận nội dung PHT của nhóm bạn, và ghi ý kiến nhận xét, bổ sung cho sản phẩm của nhóm bạn- Nhận lại bảng nhóm và hoàn thiện sản phẩm- *Dự kiến khó khăn:HS lấy ví dụ thiếu trường hợp hợp chất có 3 nguyên tố🡪 GV hướng dẫn hS bổ sung thêm VD. CaCO3.* (GV minh hoạ bằng hình ảnh 5.2 và hình ảnh hoặc video ví dụ khác)***\*Báo cáo kết quả và thảo luận.***- Yêu cầu các nhóm đem bảng nhóm của mình treo lên tường. Mời đại diện 2 nhóm có kết quả tốt nhất lên báo cáo.- HSYK:Nghe và hiểu được khái niệm đơn chất và hợp chất.***\*Kết luận, nhận định.***- Giáo viên nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức.Ghi điểm cộng cho nhóm hoạt động **tốt theo thang đo số 1.****\* Chuyển giao nhiệm vụ 2**: GV sử dụng kỹ thuật giao nhiệm vụ: GV yêu cầu nhóm 1,2 thảo luận câu 1, nhóm 3,4 câu 2, nhóm 5,6 câu 3 trong phiếu HT số 3, sau thời gian 2 phút các nhóm đem sản phẩm treo lên bảng.-Thực hiện nhiệm vụ: HS Các nhóm thảo luận ghi vào bảng nhóm.+ Dự kiến khó khăn: HS có thể không biết ứng của C, GV hướng dẫn.- Báo cáo, Thảo luận:Các nhóm đem bảng phụ treo lên tường, nhóm nào được GV chỉ định đem lên bảng trình bày thì treo lên bảng và báo cáo.- Kết luận, nhận định: GV nhận xét, ghi điểm cộng cho các nhóm làm tốt. | **I. Đơn chất và hợp chất****1. Đơn chất**- Đơn chất là những chất được tạo nên từ một nguyên tố hoá họcVí dụ: Đồng (Cu), khí oxygen (O), khí helium (He) vì được tạo nên từ một nguyên tố là Cu, O,He - Phân loại:+ Kim loại: sắt, đồng, nhôm,…+Phi kim: sulfur, carbon, khí oxygen,…+ Khí hiếm: helium,…**Chú ý:** Tên của đơn chất thường trùng với tên của nguyên tố.- Một nguyên tố thường chỉ tạo ra một đơn chất.Tuy nhiên, một số nguyên tố có thể tạo nên các dạng đơn chất khác nhau như từ nguyên tố oxygen tạo nên đơn chất ozone và khí oxygen. Từ nguyên tố carbon tạo ra đơn chất than chì hay kim cương hay than gỗ, than đá….**2. Hợp chất:** - Hợp chất là những chất được tạo nên từ hai nguyên tố hoá học trở lênVí dụ: Muối ăn được tạo nên từ hai nguyên tố hóa học là: Na và Cl, -Khí carbon dioxide được tạo nên từ 2 nguyên tố hóa học là C và O.- Glucose được tạo nên từ 3 nguyên tố hóa học là: C, H và O.- Calcium carbonate chứa 3 nguyên tố là Ca, C,O.- Phân loại:+ Hợp chất vô cơ: muối ăn, khí carbon dioxide,…+ Hợp chất hữu cơ: glucose, protein,saccharose.. |

*Tiết 2.* **2.2. Hoạt động 2.2: Phân tử**

**a) Mục tiêu:**

- Nêu được khái niệm phân tử.

- Tính được khối lượng phân tử theo đơn vị amu.

**b) Nội dung:**

- Học sinh thảo luận cặp đôi quan sát hình ảnh 5.3 hoặc mô hình các phân tử: nitrogen, methane, nước, hoàn **thành phiếu học tập số 4.(** Phụ lục)

 - Từ khái niệm về phân tử, HS thực hiện cá nhân rút ra cách tính khối lượng phân tử

- Học sinh thảo luận nhóm 6 HS để trả lời mục ? trang 35 SGK (dựa vào ví dụ trong SGK).

**c)****Sản phẩm:**

- HS nêu được: Phân tử là hạt đại diện cho chất, gồm một số nguyên tử liên kết với nhau và thể hiện đầy đủ tính chất hoá học của chất

- HS trả lời được: Mô hình đơn chất: nitrogen; mô hình hợp chất: methane, nước. Sự khác nhau về phân tử đơn chất và phân tử hợp chất: Phân tử đơn chất được tạo nên bởi các nguyên tử của cùng 1 nguyên tố hoá học còn phân tử hợp chất được tạo nên bởi các nguyên tử của các nguyên tố hoá học khác nhau

 - HS nêu được cách tính khối lượng phân tử bẳng tổng khối lượng của các nguyên tử có trong phân tử

- HS tính được:

+ Khối lượng phân tử của nitrogen: 2 . 14 = 28 (amu)

+ Khối lượng phân tử của methane: 12 + 4 . 1 = 16 (amu)

**d)****Tổ chức thực hiện:**

 **- Phương pháp dạy học:** PP dạy học theo nhóm

 **- Kĩ thuật dạy học:** Hoàn tất một nhiệm vụ.

 **- Hình thức kiểm tra đánh giá:** HS đánh giá lẫn nhau; GV đánh giá HS, nhận xét, cho điểm.

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên và học sinh** | **Nội dung chính** |
| ***\*Chuyển giao nhiệm vụ học tập***- GV yêu cầu Học sinh thảo luận cặp đôi quan sát hình ảnh 5.3 hoặc mô hình các phân tử: nitrogen, methane, nước, hoàn thành phiếu HT số 4.- Từ khái niệm về phân tử, GV yêu cầu HS hoạt động nhóm 4 HS tính khối lượng phân tử của methane.? Cách tính khối lượng phân tử? Đơn vị của khối lượng phân tử là gì?- GV yêu cầu Học sinh thảo luận nhóm 6 HS để trả lời mục ? trang 35 SGK (dựa vào ví dụ trong SGK). ***\*Thực hiện nhiệm vụ học tập***- HS thực hiện cá nhân nghiên cứu thông tin SGK rút ra khái niệm phân tử- Học sinh thảo luận cặp đôi quan sát hình ảnh 5.3 hoàn thành phiếu HT số 4.- HS hoạt động nhóm 4HS tính khối lượng phân tử và rút ra cách tính.- *Dự kiến khó khăn: HS không biết cách tính GV HD HS tính.* ***\*Báo cáo kết quả và thảo luận***- Yêu cầu các nhóm đem bảng nhóm của mình treo lên tường. Mời đại diện nhận xét.- HSKT:Nghe và hiểu được khái niệm phân tử, tính lại được khối lượng phân tử của các phân tử đã học nếu được sự trợ giúp của bạn bè.***\*Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ***- Giáo viên nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức.Ghi điểm cộng cho nhóm hoạt động **tốt theo thang đo số 1.** | **I. Phân tử****1. Khái niệm**- Phân tử là hạt đại diện cho chất, gồm một số nguyên tử liên kết với nhau và thể hiện đầy đủ tính chất hoá học của chất**2. Khối lượng phân tử**- Khối lượng phân tử được tính theo đơn vị amu, bẳng tổng khối lượng của các nguyên tử có trong phân tử.- Ví dụ:+ Khối lượng phân tử của nitrogen: 2 . 14 = 28 (amu)+ Khối lượng phân tử của methane: 12 + 4 . 1 = 16 (amu) |

 ***Tiết 3.*3. Hoạt động 3: Luyện tập**

**a) Mục tiêu:**

- Củng cố các kiến thức đã học

**b) Nội dung:**

- HS hoạt động nhóm theo kỹ thuật công đoạn làm các bài tập trong **phiếu học tập số 5,6 ( phụ lụ)**

 **c)****Sản phẩm:**

Câu trả lời **“Phiếu học tập số 5” và PHT số 6**

**Câu 1:**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Chất | Chất tinh khiết | Hỗn hợp |
| Đơn chất | Hợp chất |
| Nước cất |  | x |  |
| Nước đường |  |  | x |
| Iron (Sắt) | X |  |  |
| Không khí |  |  | x |
| Aluminium (Nhôm) | X |  |  |
| Nước cam |  |  | x |
| Nước biển |  |  | X |

**Câu 2:** Khối lượng phân tử của:

1. Copper sulfate: 64 + 32 + 4 . 16 = 160 (amu)
2. Oxygen: 2 . 16 = 32 (amu)
3. Muối ăn: 23 + 35,5 = 58,5 (amu)
4. Khí amonia: 14 + 1 . 3 = 17 (amu)
5. Bromine: 2 . 80 = 160 (amu)

\*Đơn chất: Oxygen, bromine

\*Hợp chất: Copper sulfate, muối ăn, khí amonia

 **d)****Tổ chức thực hiện:**

 **- Phương pháp dạy học:** PP dạy học theo nhóm.

 **- Kĩ thuật dạy học:** KT công đoạn.

 **- Hình thức kiểm tra đánh giá:** HS đánh giá lẫn nhau; GV đánh giá HS, nhận xét, cho điểm.

**\* Chuyển giao nhiệm vụ*: GV sử dụng kỹ thuật công đoạn:*** Chia lớp thành 6 nhóm.

- Nhóm 1, 2, 3 hoàn thành **PHT số 5** (phụ lục), nhóm 4, 5, 6 hoàn thành **PHT số 6** (phụ lục).

- Mỗi nhóm sẽ thực hiện yêu cầu được giao và ghi sản phẩm vào bảng nhóm trong thời gian 10 phút. Hết 10 phút các nhóm tiến hành đổi PHT và bảng nhóm cho nhau (đổi theo cặp: nhóm 1 và nhóm 6, nhóm 2 và nhóm 5, nhóm 3 và nhóm 4), các nhóm có nhiệm vụ nghiên cứu nội dung, bổ sung góp ý cho nhóm bạn trong vòng 5 phút, hết thời gian các nhóm trả lại bảng nhóm về nhóm ban đầu. Khi nhận lại bảng nhóm của mình, các nhóm sẽ xem và xử lý các ý kiến của nhóm bạn để hoàn thiện lại kết quả thảo luận của nhóm mình trong vòng 1 phút. Sau khi hoàn thiện xong các nhóm sẽ treo kết quả thảo luận lên tường lớp học***.***

***\*Thực hiện nhiệm vụ học tập***

 - Thảo luận, hoàn thành nội dung trong phiếu học tập của nhóm mình và trình bày vào bảng nhóm.

- Tiếp tục nghiên cứu, thảo luận nội dung PHT của nhóm bạn, và ghi ý kiến nhận xét, bổ sung cho sản phẩm của nhóm bạn

- Nhận lại bảng nhóm và hoàn thiện sản phẩm

- *Dự kiến khó khăn:HS còn lúng túng khi tính khối lượng phân tử🡪 GV hướng dẫn thêm.*

***\*Báo cáo kết quả và thảo luận.***

- Yêu cầu các nhóm đem bảng nhóm của mình treo lên tường. Mời đại diện 2 nhóm có kết quả tốt nhất lên báo cáo.

- HSKT: Tham gia cùng các bạn.

***\*Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ***

- Giáo viên nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức.Ghi điểm cộng cho nhóm hoạt động **tốt theo thang đo số 1.**

**4. Hoạt động 4: Vận dụng**

**a) Mục tiêu:**

- Vận dụng kiến thức, kỹ năng đã học để giải thích được sự lan toả của chất (mùi, màu sắc,…)

**b) Nội dung:**HS thực hiện **phiếu học tập số 7** (ở nhà)

- GV chuyển phiếu HT số 7 qua nhóm zalo của lớp yêu càu HS làm vào vở BT

 **c)****Sản phẩm:**

- HS trả lời được:

 BT1. Khi mở lọ nước hoa, các phân tử nước hoa chuyển từ thể lỏng sang thể khí và lan toả trong không gian theo mọi hướng

 BT2.Một lát sau cốc nước có màu tím, vì các phân tử thuốc tím đã hoà tan với các phân tử nước.

 + Đáp án BT1,2,3,4

**d)****Tổ chức thực hiện:**

 **- Phương pháp dạy học:** Hướng dẫn HS tự học ở nhà.

 **- Kĩ thuật dạy học:** Tổ chức hướng dẫn HS tự học ở nhà.

 **- Hình thức kiểm tra đánh giá:** HS đánh giá lẫn nhau; GV đánh giá HS, nhận xét, cho điểm.

***\*Chuyển giao nhiệm vụ học tập***

- GV yêu cầu hs thực hiện cá nhận, ở nhà, hoàn thành phiếu học tập số 7 (GV gửi link thí nghiệm: Hoà tan thuốc tím trong nước trong nhóm lớp).

- Yêu cầu cá nhân làm BT1,2,3,4 vào vở BT

***\*Thực hiện nhiệm vụ học tập***

HS thực hiện theo yêu cầu của giáo viên

***\*Báo cáo kết quả và thảo luận***

HS báo cáo vào tiết sau

- Chấm vở một số em BT1,2,3,4

- Yêu cầu 2 HS lên bảng sửa BT

***\*Kết luận, nhận định.***

-GV đánh giá và nhận xét vào tiết sau

**IV. Phụ lục**

**PHIẾU HỌC TẬP SỐ 1**

**Câu 1:** Vì sao đồng, oxygen,helium là đơn chất?

**Câu 2**: Đơn chất là gì?

**Câu 3**: Đơn chất được chia làm mấy loại nào? Lấy ví dụ minh hoạ.

**PHIẾU HỌC TẬP SỐ 2**

**Câu 1:** Vì sao khí carbon dioxide ( khí carbonic), muối ăn là hợp chất?

**Câu 2**: Hợp chất là gì?

**Câu 3**: Hợp chất được chia làm mấy loại nào? Lấy ví dụ minh hoạ.

 **PHIẾU HỌC TẬP SỐ 3**

**Câu 1:** Dựa vào hình 5.2 và các kiến thức thực tế, em hãy kể ra các ứng dụng của đồng, hydrogen, carbon mà em biết

**Câu 2:** So sánh đơn chất oxygen và hợp chất carbon dioxide theo bảng sau. Rút ra kết luận về sự khác nhau về đơn chất và hợp chất

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
|  | Đơn chất oxygen | Hợp chất carbon dioxide |
| Thành phần nguyên tố  |  |  |
| Vai trò đối với sự sống và sự cháy |  |  |

**Câu 3:** Hãy dự đoán số lượng của các đơn chất nhiều hơn hay ít hơn số lượng của các hợp chất. Giải thích

**PHIẾU HỌC TẬP SỐ 4**

**Câu 1: Quan sát hình 5.3/35/SGK** cho biết phân tử là gì ? Mô hình nào biểu diễn phân tử đơn chất, mô hình nào biểu diễn phân tử hợp chất? Giải thích

**Câu 2.** Nhận xét sự khác nhau về phân tử đơn chất và phân tử hợp chất. Lấy ví dụ minh họa.

**PHIẾU HỌC TẬP SỐ 5**

**Câu 1:** Đánh dấu X vào ô trống sao cho hợp lí:

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Chất | Chất nguyên chất | Hỗn hợp |
| Đơn chất | Hợp chất |
| Nước cất |  |  |  |
| Nước đường |  |  |  |
| Iron (Sắt) |  |  |  |
| Không khí |  |  |  |
| Aluminium (Nhôm) |  |  |  |
| Nước cam |  |  |  |
| Nước biển |  |  |  |

**Câu 2:** Tính khối lượng phân tử của các chất sau và cho biết đâu là đơn chất, đâu là hợp chất

1. Copper sulfate biết mỗi phân tử gồm 1 nguyên tử Cu, 1 nguyên tử S và 4 nguyên tử O
2. Oxygen biết mỗi phân tử gồm 2 nguyên tử O
3. Muối ăn biết mỗi phân tử gồm 1 nguyên tử Na và 1 nguyên tử Cl
4. Khí amoniac biết mỗi phân tử gồm 1 nguyên tử N và 3 nguyên tử H
5. Bromine: biết mỗi phân tử gồm 2 nguyên tử Br

  **PHIẾU HỌC TẬP SỐ 6**

 **Câu 3**: **Điền cụm từ thích hợp vào các ô số trong sơ đồ thể hiện sự phân loại chất ở trên .**



**Câu 4:** Trong số các chất cho dưới đây, hãy chỉ ra và giải thích chất nào là đơn chất , chất nào là hợp chất:

1. Khí amonia tạo nên từ N & H.
2. Phosphorus đỏ tạo nên từ P.
3. Hydrochloric acid tạo nên từ H& Cl.
4. Calcium cacbonate tạo nên từ Ca, C, O.
5. Glucose tạo nên từ C, H, O.
6. Kim loại **Magnesium** tạo nên từ Mg.

**PHIẾU HỌC TẬP SỐ 7.**

**BT1**.HS giải thích vì sao khi mở lọ nước hoa, một lát sau có thể ngửi thấy mùi nước hoa

**BT2**.HS quan sát video thí nghiệm: hoà tan thuốc tím vào nước, giải thích hiện tượng quan sát được (Link được gửi trong nhóm lớp)

 **BT3**.Các cách viết sau lần lượt chỉ ý gì?

a. K b. 2K c. 5Fe d. 2O2 e. 2O f. O2 h. N2 m. 3N2

n. 2H2O k. H2O l. NaCl g. Cl2

**BT4** a. Kim loại sắt, nhôm được tạo nên từ nguyên tố nào.

b. Khí oxygen, khí hydrogen, khí chlorine, khí nitrogen được tạo nên từ nguyên tố nào.

d. Carbon dioxide được tạo ra từ mấy nguyên tử.

**\* Dặn dò:** Về nhà học bài, làm BT trong SBT và ôn tập theo đề cương để tiết sau ôn tập cuối kỳ 1.

**\* Rút kinh nghiệm sau tiếtdạy**:…...................................................................................................

………………………………………………………………………………………………………

**1. Thang đo số 1:(Dùng cho GV)**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Nội dung quan sát** | **Hoàn toàn đồng ý (10đ)** | **Đồng ý****(8đ-9đ)** | **Phân vân****(6đ-7đ)** | **Không đồng ý****(5đ)** | **Hoàn toàn không đồng ý ( dưới 5đ)** |
| Thảo luận sôi nổi |  |  |  |  |  |
| Các HS trong nhóm đều tham gia hoạt động. |  |  |  |  |  |
| Kết quả sản phẩm tốt |  |  |  |  |  |
| Trình bày sản phẩm tốt |  |  |  |  |  |